TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 26-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lãm

-Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2020/TLST- DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Xuân H, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố 3, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (Tại văn bản ủy quyền ngày 21/5/2020), "có mặt";

- *Bị đơn:* Ông Chẩu Văn H1, sinh năm 1968 "có mặt" và bà Quan Thị Đ, sinh năm 1975 "có mặt"; cùng địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2020 và lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Huỳnh Thị Xuân H trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 22/4/2019 bà H có cho bà Đ, ông H1 vay số tiền 127.000.000 đồng. Khi vay tiền các bên có lập giấy vay tiền viết tay và ông H1, bà Đ có ký tên vào phần "người vay" và thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau theo mức lãi suất là 3%/tháng, thời hạn hẹn trả nợ đến ngày 22/5/2019. Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông H1, bà Đ vẫn chưa trả cho bà H tiền gốc và lãi suất. Vì vậy nay bà H yêu cầu ông H1, bà Đ phải có trách

nhiệm liên đới trả cho bà H tổng số tiền gốc vay là 1,66%/tháng kể từ ngày 22/4/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Đ, ông H1 trả tiền lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 22/4/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Đề nghị Tòa án buộc bà Đ, ông H1 trả tiền lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 22/5/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/01/2021).

Ngoài ra người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm.

2. Đối với bị đơn bà Quan Thị Đ và ông Chẩu Văn H1 mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H1, bà Đ vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Đ, ông H1 có mặt và trình bày như sau:

Bà Đ, ông H1 thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là vào ngày 22/4/2019 bà Đ, ông H1 có vay của bà H số tiền 127.000.000 đồng. Khi vay tiền các bên có lập giấy vay tiền viết tay và ông H1, bà Đ có ký tên vào phần "người vay" và thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau theo mức lãi suất là 3%/tháng, thời hạn hẹn trả nợ đến ngày 22/5/2019. Đồng thời, khi vay tiền của bà H thì bà H có cầm giữ một Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân của bà Đ và ông H1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền thì bà Đ có nhiều lần gặp bà H để yêu cầu bà H trả lại Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân để bà làm thủ tục vay tiền nhưng bà H không trả các giấy tờ trên nên bà Đ chưa trả được khoản tiền gốc và lãi suất nào cho bà H. Tại phiên tòa bà Đ, ông H1 đồng ý trả số tiền gốc 127.000.000 đồng cho bà H nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn nên xin được trả mỗi năm 15.000.000 đồng, thời gian trả nợ vào ngày 25/4; ngày 25/8 và ngày 25/11 hàng năm bắt đầu từ năm 2021 cho đến khi trả hết nợ. Đối với yêu cầu trả tiền lãi suất của nguyên đơn thì do hiện nay gia đình rất khó khăn nên xin không tính tiền lãi suất. Ngoài ra bà Đ, ông H1 không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án*: Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do nguyên đơn bà bà Huỳnh Thị Xuân H thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn ông Chẩu Văn H1 và bà Quan Thị Đ có địa chỉ cư trú tại thôn 09, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đối với bị đơn ông Chẩu Văn H1 và bà Quan Thị Đ mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bà Đ, ông H1 vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai bà Đ, ông H1 có mặt và thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án về việc bà Đ, ông H1 có vay số tiền 127.000.000 đồng của bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông H1, bà Đ và ông có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc vay 127.0000.000 đồng Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Xét nội dung vụ án: Căn cứ vào "Giấy vay tiền" đã ký kết ngày 22/4/2019; Căn cứ vào lời khai xác nhận của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng khách quan tại phiên tòa đã có cơ sở để khẳng định: do có mối quan hệ quen biết nên giữa bà H và bà Đ, ông H1 đã thỏa thuận giao kết vay tiền vào ngày 22/4/2019, khi vay có lập giấy vay tiền do bà Đ, ông H1 ký tên bên người vay. Xét, việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự quy định tại các điều 385, 388,401, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng này hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đ, ông H1 thừa nhận có vay của bà H số tiền 127.000.000 đồng, nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do ông H1, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, đối với yêu cầu của nguyên đơn bà H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông H1, bà Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Hồng số tiền gốc là 127.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn T thay đổi yêu cầu buộc bà Đ, ông H1 trả tiền lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 22/4/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Đề nghị Tòa án buộc bà Đ, ông H1 trả tiền lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 22/5/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 26/01/2021. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu thay đổi của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa về yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng không vượt quá yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2020 nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi suất.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 127.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 964 ngày (32 tháng 04 ngày) = 33.871.746 đồng;

Như vậy, tổng số tiền bà Quan Thị Đ, ông Chẩu Văn H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H là 160.871.746 đồng.

[6] Đối với việc bà H cầm giữ một Sổ hộ khẩu và Chứng minh nhân dân mang tên Quan Thị Đ và Chẩu Văn H1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày thừa nhận có cầm giữ những giấy tờ trên của bà Đ, ông H1 là để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng vay tiền ngày 22/4/2019 nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Tuy nhiên, tại thời điểm bà H nhận cầm cố các giấy tờ nêu trên không được thực đăng ký theo quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Mặt khác, bà H cũng không có đăng ký kinh doanh về dịch vụ cầm đồ theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần buộc bà H phải trả lại các giấy tờ nêu trên cho bà Đ, ông H1.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí. Mức án phí được quy định như sau: Đối với giá trị tài sản có tranh chấp từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, mức án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp. Do đó, bị đơn phải chịu tiền án phí là: 160.871.746 đồng x 5% = 8.043.587 đồng.

[8] Các vấn đề khác, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 385, 388, 401, 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Xuân H.

Buộc bà Quan Thị Đ và ông Chẩu Văn H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Xuân H tổng số tiền 160.871.746 đồng *(Một trăm sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng)*. Trong đó: Tiền nợ gốc: 127.000.000 đồng, tiền nợ lãi: 33.871.746 đồng.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Xuân H trả cho bà Quan Thị Đ, ông Chẩu Văn H1 01 Sổ hộ khẩu số 100117695; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Quan Thị Đ số 285242611 cấp ngày 22/5/2012, Công an tỉnh Bình Phước; 01 Chứng minh

nhân dân mang tên Chẩu Văn H1 số 285199200 cấp ngày 22/5/2012, Công an tỉnh Bình Phước.

Kể từ từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí:

Án phí dân sự có giá ngạch sơ thẩm là 8.043.587 đồng *(Tám triệu không trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng)* bà Quan Thị Đ, ông Chẩu Văn H1 phải liên đới chịu.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí 3.800.000 đồng cho bà Huỳnh Thị Xuân H đã nộp theo biên lai thu số 0019218 ngày 08/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Công